

Số: 60/24/CBTT-DBT

TP. Bến Tre, ngày 29 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Báo cáo tài chính công ty mẹ đã soát xét 06 tháng đầu năm 2024

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán: DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng đại diện tại TP HCM: số 11, đường Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại: 028 3622 0205 – số NB 224
6. Người được ủy quyền công bố thông tin: Ông Nguyễn Khắc Hanh.
7. Loại thông tin công bố: định kỳ
8. Nội dung của thông tin công bố:
 - a. Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã soát xét 06 tháng đầu năm 2024 của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre được lập ngày 29/08/2024 gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, Thuyết minh BCTC.
 - b. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: TK HĐQT.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty



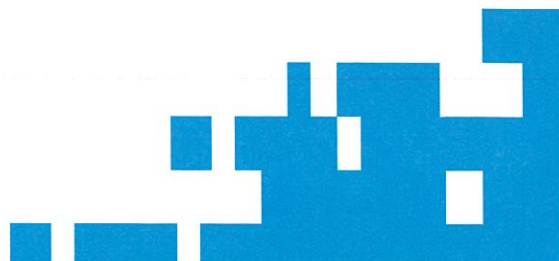
TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM THỨ TRIỆU



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
BẾN TRE**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	9 – 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	11 – 44

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Chủ tịch
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên
Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên
Ông Hoàng Xuân An	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ủy ban kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Giám đốc tài chính

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Thử Triệu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Số: 40/2024/SX-RSMHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre, được lập ngày 29 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*****Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

Lý Trung Thành
Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2822-2020-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		689.045.907.573	671.828.374.565
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.924.317.745	17.699.908.339
1. Tiền	111	4.1	8.924.317.745	17.699.908.339
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		62.339.792.472	60.050.570.995
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4.2	39.493.142.987	39.493.142.987
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	22.846.649.485	20.557.428.008
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		257.414.516.390	226.871.117.326
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	189.329.482.775	169.027.582.074
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	13.263.675.136	12.862.411.806
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	20.000.000.000	20.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	36.144.239.683	26.222.284.417
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(1.322.881.204)	(1.241.160.971)
IV. Hàng tồn kho	140		357.771.270.842	364.228.249.036
1. Hàng tồn kho	141	4.8	363.223.008.573	368.646.705.784
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	4.8	(5.451.737.731)	(4.418.456.748)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.596.010.124	2.978.528.869
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.13	2.522.782.495	1.515.760.984
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		73.227.629	1.462.767.885
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		185.458.760.132	177.015.077.153
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.039.691.179	2.980.779.785
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.6	3.039.691.179	2.980.779.785
II. Tài sản cố định	220		34.587.904.784	33.166.835.271
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	19.913.497.467	20.083.361.981
Nguyên giá	222		59.161.907.750	57.213.879.972
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.248.410.283)	(37.130.517.991)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.11	8.080.541.685	6.129.744.371
Nguyên giá	225		10.252.877.114	9.284.877.114
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.172.335.429)	(3.155.132.743)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	6.593.865.632	6.953.728.919
Nguyên giá	228		7.785.733.373	9.080.485.373
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.191.867.741)	(2.126.756.454)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
III. Bất động sản đầu tư	230	4.12	-	-
1. Nguyên giá	231		52.826.363	52.826.363
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.826.363)	(52.826.363)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		586.351.719	908.653.278
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		586.351.719	908.653.278
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		123.335.360.417	116.604.489.580
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	123.335.360.417	85.104.489.580
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.2	-	31.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		23.909.452.033	23.354.319.239
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.13	15.660.128.199	16.700.373.526
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.29	8.249.323.834	6.653.945.713
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		874.504.667.705	848.843.451.718

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		605.164.084.573	596.133.768.656
I. Nợ ngắn hạn	310		601.299.659.978	591.354.790.816
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.14	98.797.816.669	114.805.098.719
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.943.297.122	489.890.211
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	7.308.534.185	10.534.905.980
4. Phải trả người lao động	314	4.16	10.353.934.449	20.188.796.005
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	3.221.447.038	8.700.901.881
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		65.912.000	246.400.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		2.620.659.210	1.143.976.635
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	473.653.538.343	434.688.720.130
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.334.520.962	556.101.255
II. Nợ dài hạn	330		3.864.424.595	4.778.977.840
1. Phải trả dài hạn khác	337		50.000.000	50.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	3.814.424.595	4.728.977.840
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		269.340.583.132	252.709.683.062
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19.1	269.290.583.132	252.659.683.062
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		163.254.770.000	163.254.770.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		163.254.770.000	163.254.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		523.056.160	523.056.160
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.876.126.506	8.876.126.506
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.536.822.093	2.536.822.093
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.099.808.373	77.468.908.303
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		75.668.791.796	42.366.578.157
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.431.016.577	35.102.330.146
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		50.000.000	50.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		50.000.000	50.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		874.504.667.705	848.843.451.718

Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốcNguyễn Việt Sơn
Kế toán trưởngNguyễn Thùy Dung
Người lập

Bến Tre, ngày 29 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.21	408.382.678.027	376.538.355.346
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		491.724.618	383.551.117
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		407.890.953.409	376.154.804.229
4. Giá vốn hàng bán	11	4.22	252.597.233.287	238.381.851.498
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		155.293.720.122	137.772.952.731
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.23	11.497.194.249	2.245.583.142
7. Chi phí tài chính	22	4.24	18.098.023.390	16.671.292.413
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>17.352.734.507</i>	<i>16.544.218.852</i>
8. Chi phí bán hàng	25	4.25	111.523.006.775	81.311.590.073
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.26	16.785.007.464	18.198.429.299
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.384.876.742	23.837.224.088
11. Thu nhập khác	31		2.560.481.951	2.118.274.452
12. Chi phí khác	32		104.532.811	1.018.723.940
13. Lợi nhuận khác	40		2.455.949.140	1.099.550.512
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.840.825.882	24.936.774.600
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.28	6.005.187.426	7.787.077.234
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	4.29	(1.595.378.121)	(2.517.333.952)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.431.016.577	19.667.031.318



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

Nguyễn Viết Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Dung
Người lập

Bến Tre, ngày 29 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.840.825.882	24.936.774.600
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.27	1.494.958.265	2.887.035.198
Các khoản dự phòng	03	4.27	1.115.001.216	(911.580.265)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		455.618.124	(42.760.310)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	4.23	(11.109.661.705)	(3.799.902.962)
Chi phí lãi vay	06	4.24	17.352.734.507	16.544.218.852
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		32.149.476.289	39.613.785.113
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(12.973.949.905)	(14.015.528.311)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		5.423.697.211	51.378.019.834
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(25.860.789.683)	(63.279.404.016)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		33.223.816	2.856.978.892
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.229.070.428)	(16.714.268.707)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.15	(10.038.914.455)	(1.542.938.105)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(21.696.800)	(1.155.838.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28.518.023.955)	(2.859.194.140)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.599.326.219)	(2.018.588.426)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.058.788.701
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(27.289.221.477)	(3.221.052.786)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(14.400.000.000)	(18.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	8.667.077.500
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		862.872.217	1.430.800.338
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.425.675.479)	(11.082.974.673)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.30	381.413.363.520	313.651.512.905
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.31	(343.254.089.326)	(299.638.436.713)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	4.31	(996.004.806)	(952.754.742)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		37.163.269.388	13.060.321.450

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(8.780.430.046)	(881.847.363)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		17.699.908.339	9.624.120.134
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.839.452	10.956.143
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	8.924.317.745	8.753.228.914



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

Bến Tre, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Nguyễn Viết Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Dung
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300382591 ngày 05 tháng 07 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") tỉnh Bến Tre cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi thứ 22 là vào ngày 15 tháng 09 năm 2023 để thay đổi vốn góp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với Mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với Mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHCM ban hành bởi HOSE vào ngày 04 tháng 08 năm 2020; và giao dịch chính thức trên HOSE vào ngày 28 tháng 10 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 163.254.770.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Phạm Thứ Triệu	Việt Nam	32.098.340.000	19,66	32.098.340.000	19,66
Bà Bùi Hồng Hạnh	Việt Nam	13.290.890.000	8,14	13.290.890.000	8,14
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Việt Nam	12.388.750.000	7,59	12.388.750.000	7,59
Các cổ đông khác	Việt Nam	105.476.790.000	64,61	105.476.790.000	64,61
Cộng		163.254.770.000	100	163.254.770.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 627 (01 tháng 01 năm 2024 là: 623).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Buôn bán dược phẩm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Buôn bán thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học;
- Sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người;
- Cho thuê kho bãi và mặt bằng.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:					
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm	Số 725, đường Yên Ninh, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam	82,15%	82,15%	82,15%
Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm	Đường D1, khu công nghiệp Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Bepharco Health Care	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm	Số 11 Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm	P803, Tầng 8, Tòa nhà IDMC, số 21 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre – Chi nhánh Tây Nguyên	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm	Số 331, Đường Phan Bội Châu, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm	Lô A3-28 và A3-29, Đường Nguyễn Chí Diểu, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại tỉnh Yên Bái	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm	Số 725, đường Yên Ninh, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Bến Tre	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm	Số 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm	Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm	Số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại thành phố Cần Thơ	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm	Số 91/21A, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Ninh Bình	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm	Số 234, Đường 30/06, phố Bạch Đằng, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	693.411.963	488.306.097
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.230.905.782	17.158.873.246
Tiền đang chuyển	-	52.728.996
Cộng	8.924.317.745	17.699.908.339

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
				Dự phòng
	39.493.142.987	40.252.000.000	-	39.493.142.987
Đầu tư cổ phiếu:				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha			39.493.142.987	-
Đầu tư nắm giữ đến hạn ngắn hạn được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	12.846.649.485	12.846.649.485	10.557.428.008	10.557.428.008
Trái phiếu (**)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	22.846.649.485	22.846.649.485	20.557.428.008	20.557.428.008

(*) Đây là khoản tiền gửi ngân hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ sáu (6) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 3,1%/năm đến 4,1%/năm. Khoản tiền gửi với số tiền là 9.000.000.000 VND được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty – Xem thêm Mục 4.18.

(**) Đây là 100.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000VND/trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất từ lãi suất LIBOR + 1%/năm đến lãi suất LIBOR + 1,3%/năm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam. Công ty dự định sẽ bán toàn bộ số trái phiếu này trong 6 tháng cuối năm nay Tờ trình số 264/24/Tr-DBT-TCKT ngày 24 tháng 06 năm 2024. Toàn bộ khoản trái phiếu này đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre – Xem thêm Mục 4.18.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (a)	61.435.360.417	-	[*]	69.104.489.580	-	[*]
Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare (b)	45.900.000.000	-	[*]	-	-	-
Công ty Cổ phần Bepharco Health Care	16.000.000.000	-	[*]	16.000.000.000	-	[*]
Cộng	123.335.360.417	-		85.104.489.580	-	

[*] Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(a) Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng 435.100 cổ phần tương đương với 10,25% sở hữu của Dược Yên Bái theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 34/24/NQ-HĐQT-DBT ngày 21 tháng 06 năm 2024 – Xem thêm các Mục 4.6 và Mục 4.23.

Khoản đầu tư 3.485.470 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre – Xem thêm Mục 4.18.

(b) Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 960.000 cổ phần tương đương với 16% sở hữu của Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 117/241023/NQ-DBT ngày 24 tháng 10 năm 2023. Giao dịch chuyển nhượng trên hoàn tất vào ngày 09/01/2024 và Công ty chính thức nắm quyền kiểm soát của Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare với tỷ lệ sở hữu là 51% kể từ ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	15.914.085.158	34.098.840
Các khách hàng khác (*)	173.415.397.617	168.993.483.234
Cộng	<u>189.329.482.775</u>	<u>169.027.582.074</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.18.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	5.400.136.400	5.595.668.600
Trả trước cho người bán:		
PRO.MED.CS Praha a.s.	2.852.413.911	2.147.512.892
Pharmalink, S.L.	2.744.306.837	1.327.202.439
Các nhà cung cấp khác (*)	2.266.817.988	3.792.027.875
Cộng	<u>13.263.675.136</u>	<u>12.862.411.806</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

4.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho bên liên quan vay với thời hạn 6 tháng, lãi suất 5%/năm – Xem thêm Mục 4.32.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	3.904.657.533	-	3.210.410.959	-
Tạm ứng	10.265.051.580	-	15.057.399.549	-
Ký quỹ, ký cược	3.432.768.937	-	6.718.853.005	-
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần (*)	17.000.000.000	-	-	-
Phải thu lãi trái phiếu	555.167.300	-	213.417.296	-
Phải thu lãi tiền gửi	116.061.767	-	253.373.123	-
Phải thu khác	870.532.566	309.406.016	768.830.485	309.406.016
Cộng	36.144.239.683	309.406.016	26.222.284.417	309.406.016

Dài hạn:

Ký cược, ký quỹ	3.039.691.179	-	2.980.779.785	-
-----------------	---------------	---	---------------	---

(*) Trong kỳ, Công ty thực hiện chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái cho ông Trần Ái Nghĩa theo Nghị quyết HĐQT số 34/24/NQ-HĐQT-DBT ngày 21 tháng 06 năm 2024 và Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết số 34/HĐMBCKCNY – DBT) ngày 27 tháng 06 năm 2024 – Xem thêm Mục 4.2.

4.7. Nợ phải thu khó đòi

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán theo quy định trích lập dự phòng	2.990.960.079	1.668.078.875	2.774.006.436	1.532.845.465

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Số dư tại 01/01	(1.241.160.971)	(1.044.110.739)
Trích lập trong kỳ	(192.546.983)	(475.679.318)
Hoàn nhập trong kỳ	110.826.750	201.599.211
Số dư tại 30/06	(1.322.881.204)	(1.318.190.846)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là cao vì các khách hàng này chủ yếu là các bệnh viện, cơ sở y tế công lập thanh toán bằng nguồn ngân sách nhà nước và có xác nhận công nợ với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phan Văn Quý	275.670.766	-	Trên 1 năm	275.670.766	-	Trên 1 năm
Trung tâm Y tế huyện Cao Phong	173.750.000	-	Trên 3 năm	393.750.000	220.000.000	Từ 1 năm đến 3 năm
Các khách hàng khác	2.541.539.313	1.668.078.875	Từ 1 năm đến trên 3 năm	2.104.585.670	1.312.845.465	Từ 1 năm đến trên 3 năm
Cộng	2.990.960.079	1.668.078.875		2.774.006.436	1.532.845.465	

4.8. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	1.888.512.305	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.107.487.721	-	2.037.650.642	-
Công cụ, dụng cụ	386.073.830	-	270.460.444	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	395.440.449	-	687.994.080	-
Thành phẩm	8.980.206.202	(42.257.576)	7.070.217.851	(49.902.252)
Hàng hóa (*)	351.345.112.280	(5.409.480.155)	356.648.452.323	(4.368.554.496)
Hàng gửi bán	8.688.091	-	43.418.139	-
Cộng	363.223.008.573	(5.451.737.731)	368.646.705.784	(4.418.456.748)

(*) Hàng tồn kho là dược phẩm các loại được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn
 – Xem thêm Mục 4.18.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Số dư tại 01/01	(4.418.456.748)	(9.825.668.222)
Trích lập trong kỳ	(5.306.584.356)	(13.404.799.324)
Hoàn nhập trong kỳ	4.273.303.373	14.590.459.696
Số dư tại 30/06	<u>(5.451.737.731)</u>	<u>(8.640.007.850)</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2024	24.109.502.812	15.141.597.506	11.969.084.974	5.993.694.680	57.213.879.972
Mua trong kỳ	1.521.874.500	-	-	-	1.521.874.500
Đầu tư XDCB hoàn thành	426.153.278	-	-	-	426.153.278
Tại ngày 30/06/2024	26.057.530.590	15.141.597.506	11.969.084.974	5.993.694.680	59.161.907.750
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2024	13.556.270.450	12.576.812.675	7.814.159.995	3.183.274.871	37.130.517.991
Khấu hao trong kỳ	1.110.690.678	288.514.758	477.544.329	241.142.527	2.117.892.292
Tại ngày 30/06/2024	14.666.961.128	12.865.327.433	8.291.704.324	3.424.417.398	39.248.410.283
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2024	10.553.232.362	2.564.784.831	4.154.924.979	2.810.419.809	20.083.361.981
Tại ngày 30/06/2024	11.390.569.462	2.276.270.073	3.677.380.650	2.569.277.282	19.913.497.467

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024 của TSCĐ hữu hình là 2.299.554.966 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 20.883.344.186 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	4.302.988.457	4.777.496.916	9.080.485.373
Thanh lý	-	(1.294.752.000)	(1.294.752.000)
Tại ngày 30/06/2024	<u>4.302.988.457</u>	<u>3.482.744.916</u>	<u>7.785.733.373</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	556.295.046	1.570.461.408	2.126.756.454
Khấu hao trong kỳ	19.644.846	340.218.441	359.863.287
Thanh lý	-	(1.294.752.000)	(1.294.752.000)
Tại ngày 30/06/2024	<u>575.939.892</u>	<u>615.927.849</u>	<u>1.191.867.741</u>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	<u>3.746.693.411</u>	<u>3.207.035.508</u>	<u>6.953.728.919</u>
Tại ngày 30/06/2024	<u>3.727.048.565</u>	<u>2.866.817.067</u>	<u>6.593.865.632</u>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình là 3.727.048.565 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.18.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 89.815.000 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	-	9.284.877.114	9.284.877.114
Thuê tài chính trong kỳ	968.000.000	-	968.000.000
Tại ngày 30/06/2024	968.000.000	9.284.877.114	10.252.877.114
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	-	3.155.132.743	3.155.132.743
Khấu hao trong kỳ	15.270.833	580.304.821	595.575.654
Giảm khác (*)	-	(1.578.372.968)	(1.578.372.968)
Tại ngày 30/06/2024	15.270.833	2.157.064.596	2.172.335.429
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	-	6.129.744.371	6.129.744.371
Tại ngày 30/06/2024	952.729.167	7.127.812.518	8.080.541.685

Máy móc, thiết bị thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ là 968.000.000 VND.

(*) Trong kỳ, Công ty thực hiện khấu hao lại các tài sản thuê tài chính theo thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thay vì theo thời gian thuê như trước đây. Do đó, Công ty đã thực hiện hoàn nhập lại khấu hao lũy kế ảnh hưởng từ việc thay đổi này của năm 2023 vào kỳ này.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Đây là quyền sử dụng đất tại số 179, Đường Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	378.224.000	359.520.000
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	41.841.600	41.841.600

4.13. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ	239.205.009	672.661.745
Chi phí mua bảo hiểm	278.971.482	511.567.056
Chi phí quà tặng	755.078.111	-
Chi phí thuê kho, văn phòng	544.242.000	-
Các khoản khác	705.285.893	331.532.183
Cộng	2.522.782.495	1.515.760.984
Dài hạn:		
Tiền thuê đất trả trước (*)	6.426.121.005	6.575.565.675
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho bãi và văn phòng	3.614.064.240	4.330.416.593
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.685.727.578	2.328.279.329
Chi phí quảng cáo	6.500.000	746.249.999
Khác	1.927.715.376	2.719.861.930
Cộng	15.660.128.199	16.700.373.526

(*) Các quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại ngân hàng thương mại – Xem thêm Mục 4.18.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	47.297.291.253	47.297.291.253	41.490.684.258	41.490.684.258
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Gedeon Richter Việt Nam	21.876.654.114	21.876.654.114	38.432.047.176	38.432.047.176
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	7.563.113.061	7.563.113.061	5.030.360.635	5.030.360.635
Cadila Healthcare Ltd.	4.981.048.701	4.981.048.701	12.951.604.163	12.951.604.163
Các nhà cung cấp khác (*)	17.079.709.540	17.079.709.540	16.900.402.487	16.900.402.487
Cộng	<u>98.797.816.669</u>	<u>98.797.816.669</u>	<u>114.805.098.719</u>	<u>114.805.098.719</u>

(*) Tại ngày 30/06/2024, phải trả cho các nhà cung cấp khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Khoản mục	Tại ngày	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày
	30/06/2024 VND	trong kỳ VND	trong kỳ VND	01/01/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	459.566.831	2.756.802.169	2.388.975.944	91.740.606
Thuế xuất, nhập khẩu	-	90.921.868	90.921.868	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.000.314.838	6.005.187.426	10.038.914.455	10.034.041.867
Thuế thu nhập cá nhân	848.652.516	4.115.568.723	3.676.039.714	409.123.507
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	7.948.718	7.948.718	-
Các loại thuế khác	-	16.000.000	16.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	-	4.714.394	4.714.394	-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.308.534.185	12.997.143.298	16.223.515.093	10.534.905.980

4.16. Phải trả người lao động

Là các khoản lương tháng 06 năm 2024 còn phải trả cho người lao động tại ngày 30/06/2024.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Chi phí chương trình quà tặng khuyến mãi	698.465.658	6.953.870.617
Lãi vay (*)	744.115.878	622.684.925
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	871.220.532	412.093.028
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	139.583.335	205.000.000
Khác	768.061.635	507.253.311
Cộng	3.221.447.038	8.700.901.881

(*) Trong đó, lãi vay phải trả cho bên liên quan là 265.594.519 VND (Kỳ trước: 0 VND) – Xem thêm Mục 4.32.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 30/06/2024		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Ngân hạn:						
Vay ngân hàng và vay khác	470.502.565.411	470.502.565.411	381.413.363.520	342.717.525.963	431.806.727.854	431.806.727.854
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	1.902.972.932	1.902.972.932	1.097.495.210	828.514.554	1.633.992.276	1.633.992.276
Vay dài hạn đến hạn trả	1.248.000.000	1.248.000.000	624.000.000	624.000.000	1.248.000.000	1.248.000.000
Cộng	473.653.538.343	473.653.538.343	383.134.858.730	344.170.040.517	434.688.720.130	434.688.720.130
Dài hạn:						
Nợ thuê tài chính	2.544.466.277	2.544.466.277	974.432.217	1.264.985.462	2.835.019.522	2.835.019.522
Vay ngân hàng	1.269.958.318	1.269.958.318	-	624.000.000	1.893.958.318	1.893.958.318
Cộng	3.814.424.595	3.814.424.595	974.432.217	1.888.985.462	4.728.977.840	4.728.977.840
Tổng cộng	477.467.962.938	477.467.962.938	384.109.290.947	346.059.025.979	439.417.697.970	439.417.697.970

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng và vay khác:						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	340.023.885.459	340.023.885.459	288.523.650.776	268.206.033.100	319.706.267.783	319.706.267.783
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	65.146.728.755	65.146.728.755	43.071.895.321	43.197.281.656	65.272.115.090	65.272.115.090
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	23.873.047.647	23.873.047.647	8.358.913.873	4.446.938.700	19.961.072.474	19.961.072.474
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhật	3.098.773.364	3.098.773.364	3.098.773.364	19.747.744.440	19.747.744.440	19.747.744.440
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	13.454.538.866	13.454.538.866	13.454.538.866	2.585.436.560	2.585.436.560	2.585.436.560
Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP.HCM	-	-	-	4.446.654.870	4.446.654.870	4.446.654.870
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	14.205.591.320	14.205.591.320	14.205.591.320	-	-	-
Vay bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	10.700.000.000	10.700.000.000	10.700.000.000	-	-	-
Khác	-	-	-	87.436.637	87.436.637	87.436.637
Cộng	470.502.565.411	470.502.565.411	381.413.363.520	342.717.525.963	431.806.727.854	431.806.727.854

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2024		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả:						
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	1.167.300.397	1.167.300.397	583.650.198	583.650.198	1.167.300.397	1.167.300.397
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	328.318.188	328.318.188	164.159.094	164.159.094	328.318.188	328.318.188
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease Công ty TNHH cho Thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	138.373.691	138.373.691	69.186.846	69.186.846	138.373.691	138.373.691
	268.980.656	268.980.656	280.499.072	11.518.416	-	-
Cộng	1.902.972.932	1.902.972.932	1.097.495.210	828.514.554	1.633.992.276	1.633.992.276
Vay dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	1.248.000.000	1.248.000.000	624.000.000	624.000.000	1.248.000.000	1.248.000.000
Cộng	473.653.538.343	473.653.538.343	383.134.858.730	344.170.040.517	434.688.720.130	434.688.720.130

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Dài hạn:	Tại ngày 30/06/2024		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ thuê tài chính:						
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP HCM	1.222.629.131	1.222.629.131	-	583.650.198	1.806.279.329	1.806.279.329
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	530.178.013	530.178.013	-	164.159.094	694.337.107	694.337.107
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease Công ty TNHH cho Thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	265.216.240	265.216.240	-	69.186.846	334.403.086	334.403.086
	526.442.893	526.442.893	974.432.217	447.989.324	-	-
Cộng	2.544.466.277	2.544.466.277	974.432.217	1.264.985.462	2.835.019.522	2.835.019.522
Vay ngân hàng:						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	1.269.958.318	1.269.958.318	-	624.000.000	1.893.958.318	1.893.958.318
Cộng	3.814.424.595	3.814.424.595	974.432.217	1.888.985.462	4.728.977.840	4.728.977.840

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre:

Hạn mức vay: 400.000.000 VND.

Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ của các khoản vay.

Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ của các khoản vay.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

Tài sản đảm bảo: - Các quyền sử dụng đất của Công ty tại các Thửa đất số 10, số 13, số 43, số 77, số 80, số 81, số 85, số 144, tỉnh Bến Tre – Xem thêm Mục 4.13 và Mục 4.10;

- Hàng hóa tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị 205.000.000.000 đồng – Xem thêm Mục 4.8;

- 100.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành – Xem thêm Mục 4.2;

- 3.485.470 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái phát hành – Xem thêm Mục 4.2;

- Quyền đòi nợ luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị 110.000.000.000 đồng – Xem thêm Mục 4.3;

- Các phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty – Xem thêm Mục 4.9;

- Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn - Chất dẻo.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung:

Hạn mức vay: 200.000.000 VND.

Thời hạn vay: 8 tháng.

Lãi suất: 6,3% - 7,14%/năm, được quy định cụ thể trên từng Giấy nhận nợ.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

Tài sản đảm bảo: - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 64, 91/21A Đường CMT8, phường An Thới, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ – Xem thêm Mục 4.10;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có) tại địa chỉ Thửa đất số 295, tờ bản đồ số 64, Khu vực 2, phường An Thới, quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ – Xem thêm Mục 4.10;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 480/2010/TĐ.BĐ, thôn Hòn Nghé, xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa – Xem thêm Mục 4.10;

- Hàng hóa tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị 100.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.8;

- Quyền đòi nợ luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị 102.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn:
 - Hạn mức vay: 30.000.000.000 VND.
 - Thời hạn vay: 9 tháng.
 - Lãi suất: Được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ.
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 - Tài sản đảm bảo: - Quyền đòi nợ luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị 35.000.000.000 đồng – Xem thêm Mục 4.3;
- Số dư tiền gửi của Công ty tại ngân hàng VIB trị giá 3.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận:
 - Hạn mức vay: 20.000.000.000 VND.
 - Thời hạn vay: 9 tháng, được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ.
 - Lãi suất: Được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ.
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 - Tài sản đảm bảo: - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 06 Nguyễn Chí Diểu, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng – Xem thêm Mục 4.10;
- Số dư tiền gửi của Công ty tại VCB trị giá 3.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2;
- Hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh tối thiểu 20 tỷ đồng – Xem thêm Mục 4.8.

- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn:
 - Hạn mức vay: 33.000.000.000 VND.
 - Thời hạn vay: 9 tháng, được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ.
 - Lãi suất: Được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ.
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 - Tài sản đảm bảo: Số dư tiền gửi của Công ty tại ngân hàng Shinhan trị giá 3.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.2.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong:
 - Hạn mức vay: 60.000.000.000 VND.
 - Thời hạn vay: Được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ.
 - Lãi suất: Được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ.
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 - Tài sản đảm bảo: - Hàng hóa tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị 36.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.8;
- Quyền đòi nợ luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị 36.000.000.000 VND – Xem thêm Mục 4.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Vay ngắn hạn bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32:
 - Hạn mức vay: 10.700.000.000 VND.
 - Thời hạn vay: 6 tháng.
 - Lãi suất: 6%/năm.
 - Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre:
 - Hạn mức vay: 6.200.000.000 VND.
 - Thời hạn vay: 60 tháng.
 - Lãi suất: 9,8%/năm.
 - Mục đích vay: Cài đặt phần mềm ERP.
 - Tài sản đảm bảo: Thửa đất của Công ty số 13, tờ bản đồ số 5, số 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre – Xem thêm Mục 4.13.

Các khoản nợ thuế tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
Thời hạn:	Tổng khoản thanh toán thuế tài chính	Lãi thuế	Tổng khoản thanh toán thuế tài chính	Lãi thuế
Từ 1 năm trở xuống	2.220.775.621	317.802.689	1.980.775.727	346.783.451
Trên 1 năm đến 5 năm	2.713.086.626	168.620.349	3.083.768.534	248.749.012
Cộng	4.933.862.248	486.423.039	5.064.544.261	4.469.011.798

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.19. Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	142.051.160.000	8.876.126.506	57.492.073.377	523.056.160	2.536.822.093	211.479.238.136
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	14.203.610.000	-	(14.203.610.000)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(921.885.220)	-	-	(921.885.220)
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	19.667.031.318	-	-	19.667.031.318
Tại ngày 30/06/2023	156.254.770.000	8.876.126.506	62.033.609.475	523.056.160	2.536.822.093	230.224.384.234
Phát hành cổ phiếu ESOP	7.000.000.000	-	-	-	-	7.000.000.000
Thù lao HĐQT	-	-	(900.000.000)	-	-	(900.000.000)
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	16.335.298.828	-	-	16.335.298.828
Tại ngày 01/01/2024	163.254.770.000	8.876.126.506	77.468.908.303	523.056.160	2.536.822.093	252.659.683.062
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(1.800.116.507)	-	-	(1.800.116.507)
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	18.431.016.577	-	-	18.431.016.577
Tại ngày 30/06/2024	163.254.770.000	8.876.126.506	94.099.808.373	523.056.160	2.536.822.093	269.290.583.132

(*) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ là 5% của Lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 25/NQ-ĐHĐCĐ23 ngày 25 tháng 04 năm 2024.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ông Phạm Thứ Triệu	32.098.340.000	32.098.340.000
Bà Bùi Hồng Hạnh	13.290.890.000	13.290.890.000
Ông Nguyễn Khắc Hạnh	12.388.750.000	12.388.750.000
Vốn góp của các cổ đông khác	105.476.790.000	105.476.790.000
Cộng	163.254.770.000	163.254.770.000

4.19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	163.254.770.000	142.051.160.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	14.203.610.000
Vốn góp tại ngày 30/06	163.254.770.000	156.254.770.000

4.19.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	16.325.477	16.325.477
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	16.325.477	16.325.477
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	16.325.477	16.325.477

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.19.5. Cổ tức

Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 14%/cổ phiếu (đã bao gồm phần cổ tức năm 2022 chưa thực hiện chi trả) – Xem thêm Mục 4.35.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.19.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	8.876.126.506	2.536.822.093
Tại ngày 30/06/2024	8.876.126.506	2.536.822.093

4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
<u>Ngoại tệ các loại:</u>		
USD	330,38	412,00
EUR	7.781,56	8.339,00

4.21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	399.993.801.820	368.311.694.631
Doanh thu bán thành phẩm	7.884.714.095	7.780.920.448
Doanh thu cung cấp dịch vụ	504.162.112	445.740.267
Cộng	408.382.678.027	376.538.355.346
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	15.123.700.146	493.900.100

4.22. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng hóa	247.268.341.249	234.961.262.452
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng	1.033.280.983	(1.185.660.372)
Giá vốn thành phẩm	4.253.769.455	4.561.083.316
Giá vốn thuê hoạt động	41.841.600	41.841.600
Khác	-	3.324.502
Cộng	252.597.233.287	238.381.851.498

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi trái phiếu	341.750.004	301.750.000
Lãi tiền gửi	256.328.537	119.283.774
Lãi cho vay bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	776.712.327	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	387.532.544	461.708.571
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	42.760.310
Lãi chuyển nhượng vốn	9.734.870.837	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	-	51.995.487
Cổ tức được chia	-	1.268.085.000
Cộng	11.497.194.249	2.245.583.142

Doanh thu tài chính kỳ này tăng hơn 4 lần so với kỳ trước chủ yếu do phát sinh khoản lãi từ việc chuyển nhượng vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái – Xem thêm Mục 4.2.

4.24. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay (*)	17.352.734.507	16.544.218.852
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	261.453.938	107.800.644
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	455.618.124	-
Khác	28.216.821	19.272.917
Cộng	18.098.023.390	16.671.292.413

(*) Trong đó, chi phí lãi vay với bên liên quan là 265.594.519 VND (Kỳ trước: 0 VND) – Xem thêm Mục 4.32.

4.25. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	63.346.012.347	49.249.041.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.525.973.860	25.006.001.142
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.593.464.232	1.651.919.891
Chi phí chương trình quà tặng khuyến mãi	(3.029.735.098)	(125.345.601)
Khác	11.087.291.434	5.529.972.823
Cộng	111.523.006.775	81.311.590.073

Chi phí bán hàng kỳ này tăng hơn 37% so với kỳ trước chủ yếu do tăng chi phí của nhân viên bán hàng theo mức lương cơ bản và các khoản thưởng và các chi phí liên quan đến việc bán hàng trong kỳ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.971.033.370	8.613.010.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.456.881.464	5.987.868.496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(304.286.118)	1.064.085.190
Chi phí dự phòng	81.720.233	274.080.107
Chi phí vật liệu quản lý	380.562.937	357.761.668
Chi phí bằng tiền khác	2.199.095.578	1.901.622.968
Cộng	16.785.007.464	18.198.429.299

4.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.264.051.434	4.841.514.535
Chi phí nhân công	74.553.101.340	60.457.846.052
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.494.958.265	2.887.035.198
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.541.487.196	31.616.751.467
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng	1.115.001.216	(911.580.265)
Chi phí khuyến mãi	(3.029.735.098)	(150.955.248)
Các chi phí khác	13.311.494.287	7.770.930.217
Cộng	135.250.358.640	106.511.541.956

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	22.840.825.882	24.936.774.600
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	8.389.165.573	15.678.746.565
<i>Chi phí lãi vay vượt 30% EBITDA</i>	4.620.610.045	3.268.951.769
<i>Các khoản trích trước</i>	3.221.447.038	8.977.884.472
<i>Chi phí không được trừ</i>	547.108.490	3.431.910.324
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.204.054.325)	(1.268.085.000)
<i>Hoàn nhập các khoản trích trước</i>	(205.000.000)	-
<i>Cổ tức nhận được</i>	-	(1.268.085.000)
<i>Chi phí khấu hao do điều chỉnh thời gian khấu hao</i>	-	-
<i>TSCĐ thuê tài chính đã loại trừ năm 2023</i>	(999.054.325)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	30.025.937.130	39.347.436.165
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	6.005.187.426	7.869.487.233
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	-	(82.409.999)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	6.005.187.426	7.787.077.234

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

4.29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong kỳ và năm trước được trình bày như sau:

	Chi phí trích trước VND	Chi phí lãi vay vượt 30% EBITDA (*) VND	Chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	(397.402.501)	(5.543.193.149)	695.452.623	(5.245.143.027)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	356.402.501	(1.629.271.780)	(135.933.407)	(1.408.802.686)
Tại ngày 01/01/2024	(41.000.000)	(7.172.464.929)	559.519.216	(6.653.945.713)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này	(603.289.408)	(924.122.009)	(67.966.704)	(1.595.378.121)
Tại ngày 30/06/2024	(644.289.408)	(8.096.586.938)	491.552.512	(8.249.323.834)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**(*) Chi phí lãi vay vượt 30% EBITDA**

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt 30% EBITDA chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho kỳ hiện tại ("Chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/06/2024	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/06/2024	Chi phí lãi vay chưa được trừ chuyển sang năm sau tại ngày 30/06/2024
2019 (**) 2020 (**)	2024 2025	2.630.803.818	-	-	2.630.803.818
2021 (**) 2022 (**) 2023 (**) 2024 (**)	2026 2027 2028 2029	10.168.414.220 7.213.842.223 7.702.905.485 8.146.358.899 4.620.610.045	- - - - -	- - - - -	10.168.414.220 7.213.842.223 7.702.905.485 8.146.358.899 4.620.610.045
Tổng cộng		40.482.934.690	-	-	40.482.934.690

(**) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

4.30. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	381.413.363.520	313.651.512.905

4.31. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	343.254.089.326	299.638.436.713
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	996.004.806	952.754.742

4.32. Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Bepharco Health Care	Công ty con
4. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán	Nhân sự quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái – Xem thêm Mục 4.14:		
Phải trả người bán ngắn hạn	47.297.291.253	41.490.684.258
Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare:		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm Mục 4.3	15.914.085.158	34.098.840
Đặt cọc gia công ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.6	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu về lãi cho vay ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.6	904.657.533	210.410.959
Phải thu về cho vay ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.5	20.000.000.000	20.000.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.4	5.400.136.400	5.595.668.600
Công ty Cổ phần Bepharco Health Care:		
Vay ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.18	10.700.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả – Xem thêm Mục 4.17	265.594.519	-
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái:		
Mua hàng hóa và dịch vụ	34.329.411.971	40.098.153.369
Bán hàng hóa – Xem thêm Mục 4.21	-	493.900.100
Chi phí lãi vay	-	123.484.931
Trả nợ vay	-	500.000.000
Trả lại hàng	139.696.100	-
Hàng bán trả lại	-	10.238.095

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare:		
Bán hàng hóa – Xem thêm Mục 4.21	15.063.700.146	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.599.111.000	980.658.000
Lãi cho vay – Xem thêm Mục 4.23	776.712.327	-
Cho thuê xe – Xem thêm Mục 4.21	60.000.000	-
Cho vay	25.000.000.000	-
Nhận tiền gốc vay	25.000.000.000	-
Nhận tiền lãi vay	82.465.753	-
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>

Công ty Cổ phần Bepharco Health Care:

Vay ngắn hạn	10.700.000.000	-
Chi phí lãi vay – Xem thêm Mục 4.24	265.594.519	-

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	727.135.926	778.616.509
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	809.991.926	922.651.963
Ông Hoàng Xuân An	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	639.283.926	724.251.963
Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán	-	60.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	-	17.096.774
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Giám đốc Tài chính	385.293.726	311.501.963
Cộng		<u>2.561.705.504</u>	<u>2.814.119.172</u>

4.33. Các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính

Công ty đang thuê máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính 08 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 04 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai đã được trình bày ở Mục 4.18.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.34. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động*****Công ty là bên cho thuê***

Công ty cho thuê mặt bằng theo hợp đồng thuê hoạt động. Hợp đồng cho thuê có kỳ hạn 07 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	378.224.000	359.520.000

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:

	<u>Tại ngày 30/06/2024 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2024 VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	880.188.848	271.040.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.781.395.196	-
Cộng	<u>2.661.584.044</u>	<u>271.040.000</u>

Công ty là bên đi thuê

Công ty thuê văn phòng, quầy và kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 5 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	5.186.350.974	3.091.761.437

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2024 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2024 VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	10.866.681.256	10.937.475.805
Trên 1 năm đến 5 năm	26.817.404.790	32.268.698.143
Cộng	<u>37.684.086.046</u>	<u>43.206.173.948</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.35. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2023 số 25/NQ-ĐHĐCĐ23 ngày 25 tháng 04 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26/24/NQ-HĐQT-DBT ngày 28 tháng 05 năm 2024 đồng ý thông qua việc chi trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu với tỷ lệ là 14%/ cổ phiếu (đã bao gồm phần cổ tức năm 2022 chưa thực hiện chi trả). Việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đã hoàn tất theo Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 41/BC-DBT ngày 12 tháng 07 năm 2024 và Công ty đã thông báo vốn điều lệ sau khi thay đổi là 186.106.500.000 VND theo Thông báo số 41/TB-DBT ngày 12 tháng 07 năm 2024.

Ngoài ra, ngày 02 tháng 07 năm 2024, Công ty đã thực hiện mua thêm 1.500.000 cổ phiếu để tăng thêm 25% vốn góp của Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có các sự kiện quan trọng nào khác phát sinh xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

Nguyễn Viết Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Dung
Người lập

Bến Tre, ngày 29 tháng 08 năm 2024